

Unit 5

HIGHER EDUCATION

TRỌNG TÂM

1. Kỹ năng ngôn ngữ

• **Đọc:**

Đọc hiểu và tìm thông tin chi tiết về những ấn tượng của các HS ngày đầu sống và học tập tại các trường đại học và cao đẳng của nước Anh.

• **Nói:**

Nói về quy trình và các yêu cầu, thủ tục cần thiết để nhập học tại các trường cao đẳng và đại học ở Việt Nam.

• **Nghe:**

Nghe lấy thông tin chi tiết về một số vấn đề HS quốc tế thường gặp khi học tập ở nước ngoài.

• **Viết:**

Viết thư yêu cầu tới một trường đại học của nước Anh để hỏi các thông tin về khoá học và thủ tục xin học.

2. Trọng tâm ngôn ngữ

• **Phát âm:** Trọng âm trong các từ có nhiều hơn ba âm tiết.

• **Ngữ pháp và từ vựng:**

– Conditional sentences.

– Từ ngữ diễn đạt quy trình, thủ tục xin thi đại học, từ viết tắt một số kì thi chính của HS phổ thông.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

• Máy và băng cát xét.

• Tranh ảnh trong sách giáo khoa và các giáo cụ trực quan khác (nếu có).

A. READING

Before you read

Yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ, luyện tập theo cặp mô tả tranh, nói tên các trường đại học bằng tiếng Anh và diễn đạt ý muốn vào học ở một trong các trường đại học của Việt Nam.

Hue University

Hanoi University of Architecture

Hanoi University of Natural Science

GV dẫn dắt để HS có thể nói về việc sống và học tập của sinh viên trong trường đại học và dẫn vào nội dung của bài đọc.

While you read

Yêu cầu từng cá nhân đọc thâm bài đọc, cố gắng nắm được ý chính của bài.

Task 1. (Trang 54)

HS đọc kĩ từng câu, tìm từ phù hợp để điền vào chỗ trống hoàn thành các câu từ 1 đến 5. Sau đó trao đổi kết quả với bạn ngồi cạnh.

ĐÁP ÁN

1. *campus*
2. *blamed*
3. *scariest*
4. *challenges*
5. *amazing*

Task 2. (Trang 54)

HS đọc yêu cầu của bài 2. Theo cặp, HS làm bài. HS có thể đọc lướt nhanh lại bài để tìm câu trả lời.

GV theo dõi và gợi ý từ khi cần thiết.

ĐÁP ÁN

Sarah		Ellen		Brenden	
1	2	3	4	5	6
a	e	b	c	d	f

Task 3. (Trang 54)

Theo cặp hoặc nhóm, yêu cầu HS hỏi và trả lời các câu hỏi về nội dung bài đọc. GV giám sát bảo đảm học sinh thực hành bằng tiếng Anh.

Gọi đại diện HS từng nhóm bất kì, trả lời các câu hỏi trước lớp.

ĐÁP ÁN

1. She went out with her new friends, walking around campus.
2. Because at the party everyone was busy playing some game and no one seemed to notice her.
3. Her roommate left the window open when it was cold outside. She went to bed early. She blamed Ellen for making her sick.
4. Brenden thought the first year at college was the best and most challenging of his life.
5. It provides him plenty of opportunities to meet non-engineering students as well as other engineers and many of them have become his best friends.

B. SPEAKING

Task 1. (Trang 55)

Yêu cầu từng HS đánh dấu những giấy tờ cần thiết có trong hồ sơ xin thi tuyển vào học các trường đại học ở Việt Nam. Sau đó trao đổi với các bạn trong nhóm nhỏ. Gợi ý HS lấy thông tin từ bài đọc hoặc từ kiến thức đã có của bản thân.

ĐÁP ÁN

- √-- *an application form*
- √-- *an identity card*
- *a reference letter*
- √-- *a copy of the originals of your school certificate*
- √-- *a birth certificate*
- √-- *a copy of the record of your performance at school*
- √-- *scores of the required entrance examination*

Task 2. (Trang 55)

– Theo cặp HS hỏi và trả lời.

Example: S_1 : *When do you fill in and send the application form?*

S_2 : *In March.*

Task 3. (Trang 56)

Theo nhóm luyện nói về các quy trình nộp hồ sơ, thi tuyển vào các trường đại học ở Việt Nam.

C. LISTENING

Luyện nghe lấy thông tin chi tiết

Before you listen

Theo cặp: Yêu cầu HS đưa ra các vấn đề mà các em cho là khó khăn khi học ở một trường mới.

GV bật băng (hoặc đọc to) cho HS nghe và nhắc lại các từ, cụm từ trong bài, lưu ý trọng âm trong các từ có ba âm tiết. GV có thể yêu cầu HS nói nghĩa hoặc cho nghĩa của một số từ mới nếu cần thiết. Có thể yêu cầu HS khá đoán tình huống của bài nghe.

While you listen

Yêu cầu HS đọc kỹ câu hỏi một hoặc hai phút.

Bật băng cho HS nghe lần 1, yêu cầu nắm ý chính của bài.

Cho HS nghe lần 2, 3, làm bài tập.

HS trao đổi kết quả với bạn ngồi cạnh.

Gọi một vài HS trả lời câu hỏi, các em khác nghe và cho nhận xét. Có thể cho nghe lại băng nếu có tranh luận về đáp án.

Tapescript

John: Now, David, can I get this right: You've just completed a MSc course on which a large proportion of the students were international students? Is that right?

David: That's it. Yes, I was in AERD - that's the department of Agricultural Extension and Rural Development.

John: And how do you think the students from other countries got along on that course?

David: Pretty well.

John: What advice would you give to students, particularly international students, based on your experience as a student here?

David: I think the most basic thing is to make use, full use, of the tutors and lecturers. Maybe some of the overseas students are a bit too shy to take questions or problems to tutors.

John: What do you think they should do?

David: I think they should find out at the beginning of the course the times at which the tutor is going to be available for tutorial appointments, and then make full use of them.

John: So, any problems, they should tell the tutor as soon as possible? Let's move on, what about the amount of reading that you have to do as a university student?

David: Yes! It looks pretty daunting at first, with those long reading lists. Don't think that the students have to read everything that's listed. Try to find out which are the most important items on the list - ask the lecturer or tutor if necessary, and then, if your time is limited, spend it reading those books thoroughly.

John: OK, that's very helpful, David. Thank you very much.

David: No, not at all.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5
C	A	C	A	B

After you listen

Theo cặp: Yêu cầu HS luyện nói những ý kiến của bản thân về việc chọn học đại học ở trong nước hay nước ngoài và đưa ra những lí do. Có thể luyện theo gợi ý sau:

HS 1: Would you like to do an undergraduate course in your country or abroad?

HS 2: I'd like to do an undergraduate course in my country.

HS 1: Why so?

HS 2: Because my English is not good enough and I cannot afford tuition fees and accommodation for studying overseas.

– Yêu cầu một vài HS nói trước lớp về ý định của bạn mình muốn học đại học ở đâu và lí do vì sao.

D. WRITING

– GV chuẩn bị một vài mẫu thư đề nghị và cho HS đọc.

– HS đọc yêu cầu của bài viết, đọc kĩ dàn ý và cấu trúc thư yêu cầu.

– Theo cặp trao đổi về cấu trúc của thể loại thư yêu cầu, tham khảo bài đọc về nội dung yêu cầu trong thư.

– Yêu cầu một, hai HS nhắc lại cách thể hiện câu đề nghị.

– HS luyện tập viết theo dàn ý gợi ý trong SGK. GV quan sát và gợi ý một số từ như :

undergraduate course

information about

tuition fees

accommodation

Yours faithfully

– Một vài HS đọc bài trước lớp, các em khác nghe và nhận xét. GV chữa lỗi và đưa bài viết gợi ý.

Bài viết gợi ý :

475/57 Le Thanh Ton St. District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam
March 15th, 2008

Dear Sir/Madam,

I've read a lot about tertiary study in the UK and very impressed by the reputation of many famous universities there. Now I am in the last year of the high school and will finish secondary education in 3 months. I am very much interested in an undergraduate course on economics in Bermingham University. Could you please send me some information about the admission requirements, tuition fees, accommodation and details of the course? I am ready to supply any information about myself if necessary.

I look forward to hearing from you soon.

Yours faithfully,

Hoang Thanh Mai

E. LANGUAGE FOCUS

Pronunciation

• Listen and repeat.

- + GV bật băng hoặc đọc mẫu một hoặc hai lượt để HS nhắc theo.
- + Gọi một vài HS đọc lại các từ trong bài.

• Practise reading these sentences.

- + GV bật băng hoặc đọc mẫu các câu.
- + HS tập đọc theo băng hoặc theo GV.
- + Gọi một vài HS đọc to các câu trước lớp.

Grammar

- + Cá nhân: yêu cầu HS làm bài tập theo mẫu.
- + Theo cặp: HS trao đổi kết quả bài làm với người bên cạnh.
- + GV theo dõi, giải thích hoặc giúp đỡ khi cần thiết.

Exercise 1. (Trang 59)

ĐÁP ÁN GỢI Ý

1. *If you fail the GCSE examination, you will not be allowed to take the entrance examination to the university.*
2. *You won't be able to get into the examination room if you are 10 minutes late.*
3. *If you don't send the application form on time, you will not be able / allowed to take the entrance exam.*
4. *If you don't have a reference letter, you won't be able / allowed to submit your application form.*
5. *Unless you show your identity card, you won't be able / allowed to get into the examination room.*

Exercise 2. (Trang 60)

1. *She doesn't have a car. She doesn't go out in the evening.
If she had a car, she would go out in the evening.*
2. *Sarah doesn't study hard. She hates school.
If Sarah liked school, she would study hard.*
3. *I can't do the test. It is too difficult.
I would/ could do the test if it was/were not too difficult.*
4. *Peter doesn't read a lot. He can't find the time.
Peter would read a lot if he found the time/had more time.*

5. *I can't translate this. I don't speak Korean.*

If I spoke Korean, I could translate this.

6. *They don't travel far a lot. They are afraid of flying.*

If they weren't afraid of flying, they would travel far a lot.

Exercise 3. (Trang 60)

1. *If John had passed the GCSE examination, he would have been allowed to take the entrance examination to the university.*

2. *If you had sent the application on time, they might have called you for an interview. I can't understand why you didn't.*

3. *If John had installed an alarm, the thieves wouldn't have broken into his house.*

4. *I would have made a film with him if I had been a famous director, but I was not.*

5. *If you had told me earlier, I would have given it to you.*

6. *We would have sent you a Christmas card if we had had your address.*